TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:70/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2025
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thành Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Khỏe và bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 347/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1980. CCCD số: 040180001235 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 14/5/2023.

- *Bị đơn*: Anh Đinh Văn N, sinh năm 1970. CCCD số: 030070006033 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 16/8/2021.

Đều có địa chỉ: số nhà A, ngõ B Đ, phường T, thành phố Hải Phòng.

Anh N, chị T đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Đinh Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/8/2019 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Trước khi đến với nhau cả hai anh chị đều đã trải qua một cuộc hôn nhân và đều có con riêng. Quá trình chung sống, anh chị vui vẻ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn về mọi mặt

nhất là trong việc phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù sống chung một nhà nhưng anh chị không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, anh Nghĩa là người cục cằn hay có những lời nói chửi bới, xúc phạm chị. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Anh chị có ba con chung là cháu Đinh Hải V, ngày 05/7/2014; cháu Đinh Hải A, sinh ngày 17/7/2016; cháu Đinh Hải A1, sinh ngày 22/7/2019. Hiện các con đều đang ở với anh chị. Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng ba con, tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại chị làm nhân viên của Công ty N1, thu nhập trung bình hơn 10 triệu/ tháng, chị khẳng định mình có đủ điều kiện để nuôi các con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Đinh Văn N trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn của vợ chồng như chị T trình bày là hoàn toàn đúng. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay chị T xin ly hôn đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc bận nên anh xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại toà án.

- *Về con chung:* Anh chị có ba con chung là cháu Đinh Hải V, sinh ngày 05/7/2014; cháu Đinh Hải A, sinh ngày 17/7/2016; cháu Đinh Hải A1, sinh ngày 22/7/2019. Trường hợp toà án giải quyết ly hôn, anh đề nghị Toà án giao cả ba con cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng anh nhất trí.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị của các con Đinh Hải V, Đinh Hải A đều có nguyện vọng ở với chị T vì chị T có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc đầy đủ hơn bố.

Xác minh tại tổ dân phố số I phường T, thành phố Hải Phòng - ông Đinh Văn H là tổ trưởng tổ dân phố, đồng thời là họ hàng nội tộc của anh N trình bày: Chị T và anh N bất đồng trong quan điểm sống và cách đối nhân xử thế hàng ngày. Anh Nghĩa là người tính tình nóng nảy, thường có lời lẽ cọc cằn với vợ; chị T nói anh N thường nghi ngờ chị không chung thủy. Trong sinh hoạt gia đình hàng ngày, chị T là người không khéo léo nên không khí gia đình luôn căng thẳng. Bản thân ông cũng khuyên bảo anh chị nhiều lần nhưng không có kết quả. Các văn bản của Tòa án giao cho ông, ông đều đã giao cho anh N, ông cũng khuyên bảo anh N đến Tòa án để được hòa giải nhưng anh N nói bận công việc không đến tòa. Nay chị T xin ly hôn đề nghị toà án hoà giải cho vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị T kiên quyết ly hôn thì toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên toà, nguyên đơn, bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do bận công việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng phát biểu ý kiến việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS; người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 BLDS năm 2015, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật TTDS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của toà án.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, xử cho chị T ly hôn với anh Đinh Văn N.

- *Về quan hệ con chung*: Giao ba con chung là cháu Đinh Hải V, ngày 05/7/2014 và cháu Đinh Hải A, sinh ngày 17/7/2016, cháu Đinh Hải A1, sinh ngày 22/7/2019 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung, công sức, nợ*: không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Thanh P chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con, bị đơn cư trú tại phường T, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) ngày 02/8/2019 đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian khoảng 5-6 năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Đã có khoảng thời gian hai

vợ chồng nghi ngờ, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm. Tuy chung sống một nhà nhưng không có sự quan tâm chia sẻ, yêu thương nhau. Toà án đã nhiều lần tổ chức phiên hoà giải nhưng anh N đều không đến, điều đó chứng tỏ anh N không thực sự mong muốn gia đình đoàn tụ. Hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đinh Văn N.

2.2. Về con chung: Chị T, anh N có ba con chung là cháu Đinh Hải V, ngày 05/7/2014; cháu Đinh Hải A, sinh ngày 17/7/2016, cháu Đinh Hải A1, sinh ngày 22/7/2019; chị T xin được nuôi cả ba con đến khi thành niên, anh N nhất trí. Các con cũng có nguyện vọng ở với chị T. Căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cả ba con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Tài sản chung, *nợ chung*, *công sức chung:* Chị T, anh N không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Án phí: Chị Trần Thị Thanh P chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử chị Trần Thị T được ly hôn anh Đinh Văn N.

2. Về con chung: Giao ba con chung Đinh Hải V, ngày 05/7/2014; Đinh Hải A, sinh ngày 17/7/2016; Đinh Hải A1, sinh ngày 22/7/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh P chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004105 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Phòng TTHA.DS KV8- Hải Phòng;
- Các đương sự (nguyên đơn, bị đơn);
- UBND phường Thành Đông để ghi vào sổ hộ tịch; ĐKKH số 55 ngày 22/8/2019 của UBND phường Bình Hàn, TPHD.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thành Hưng